

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 25-05-2022
V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Như.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Ngọc Côn.

2. Ông Giáp Văn Phẩm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 03 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lưu Thị L, sinh năm 2001. Có mặt

Hộ khẩu thường trú: Địa chỉ: Thôn Q, xã B, huyện LN, tỉnh Bắc Giang

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Bị đơn: Anh Vi Văn T, sinh năm 1996. Có mặt

Hộ khẩu thường trú: Địa chỉ: Thôn Q, xã B, huyện LN, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 02/03/2022, tại bản tự khai và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn chị Lưu Thị L, bị đơn anh Vi Văn T trình bày thì nội dung vụ án như sau:

Chị Lưu Thị L và anh Vi Văn T kết hôn với nhau vào ngày 22 tháng 01 năm 2019. Trước khi kết hôn hai bên có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới chị L anh T về chung sống cùng nhau ngay và ở cùng gia đình anh T tại thôn Q, xã B, huyện LN, tỉnh Bắc Giang

Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị L và anh T đều cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiền nói chung, không thống nhất bảo ban được việc phát triển làm ăn kinh tế. Đến tháng 9/2021 mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nghiêm trọng, chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn sinh sống, chị L anh T sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị L xác định tình cảm với anh T không còn chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Anh T xác định anh và chị L có mâu thuẫn và anh không còn tình cảm với chị L, chị L xin ly hôn với anh anh đồng ý.

Về con chung: Chị L anh T có 01 con chung là cháu Vi Bảo Ngọc H, sinh ngày 22/01/2018. Hiện nay cháu Vi Bảo Ngọc H đang ở cùng chị L. Vợ chồng ly hôn chị L nhận nuôi con chung và đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T không nhất trí để chị L nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị L. Anh T nhận nuôi con chung không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung cùng anh.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Lưu Thị L và anh Vi Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lưu Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Vi Văn T, chị L đề nghị được nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị muốn anh T tự nguyện nên đến nay chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị khi vợ chồng ly hôn, do vậy chị không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Anh T đồng ý ly hôn với chị L nhưng không đồng ý để chị L nuôi con chung, anh nhận nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ chung hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lưu Thị L và anh Vi Văn T.

- Về con chung: Giao cho chị Lưu Thị L nuôi dưỡng con chung là Vi Bảo Ngọc H, sinh ngày 22/01/2018. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị Lưu Thị L và anh Vi Văn T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Lưu Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Lưu Thị L khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, con chung với anh Vi Văn T. Anh T có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại thôn Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị L và anh Vi Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng kết hôn với nhau vào ngày 22 tháng 01 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do vậy, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị L và anh T đã phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân với nhau một thời gian đến nay không ai còn quan tâm tới ai, không liên lạc gì với nhau. Nay chị L làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T, anh T xác định cuộc sống giữa anh và chị L có mâu thuẫn chị L xin ly hôn anh đồng ý. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T chị L có mâu thuẫn, đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay chị L không muốn về đoàn tụ cùng anh T và kiên quyết đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho cho chị được ly hôn với anh T, anh T nhất trí. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh T như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Chị L anh T có 01 con chung là cháu Vi Bảo Ngọc H, sinh ngày 22/01/2018. Khi ly hôn chị L anh T đều có nguyện vọng nuôi con chung. Xét thấy chị L anh T chỉ có một con chung duy nhất, nguyện vọng nuôi con của chị L anh T khi vợ chồng ly hôn là chính đáng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy hiện nay cháu Vi Ngọc Bảo H còn nhỏ, đã ở ổn định cùng chị L từ tháng 9/2021 đến nay. Tại phiên tòa hôm nay chị L và anh T cũng đều thừa nhận trong quá trình chung sống với nhau chị L đã hai lần có thai ngoài dạ con và đều phải phẫu thuật cắt đi hai bên buồng trứng, đến nay không còn khả năng sinh con. Do vậy để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung cũng như đảm bảo quyền nuôi con của chị L cần

giao cho chị Lưu Thị L nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Với ý kiến đề nghị giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án chị Lưu Thị L đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Tại phiên tòa hôm nay chị Lưu Thị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng con cùng chị, chị muốn anh T tự nguyện, anh T không có ý kiến gì. Do vậy, việc cấp dưỡng nuôi con chị L không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị Lưu Thị L nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con giữa chị L và anh T.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Lưu Thị L và anh Vi Văn T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Lưu Thị L hiện đang có hộ khẩu thường trú tại thôn Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang không thuộc diện được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Do vậy chị Lưu Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp quy định tại Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lưu Thị L và anh Vi Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Lưu Thị L nuôi dưỡng con chung là Vi Bảo Ngọc H, sinh ngày 22/01/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn anh Vi Văn T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản anh T thực hiện quyền này.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Lưu Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Lưu Thị L đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo Biên lai thu số: 0010841 ngày 25/05/2022. Khoản tiền này được chuyển thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
- (Số 04/2019).
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Đức Nhưng